

Phú Mỹ, ngày tháng 09 năm 2024

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC TỔ KHỐI CHỒI
NĂM HỌC 2024 – 2025

Căn cứ Kế hoạch số 380/KH-MNHN ngày 04/9/2024 của trường MN Hoa Mai về Kế hoạch giáo dục năm học 2024 - 2025;

Căn cứ vào tình thực tế tổ khối Chồi xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2024-2025 cụ thể của tổ như sau:

A/ THÔNG TIN CHUNG VỀ TỔ KHỐI CHỒI:

Tổ khối Chồi có 10 giáo viên. Đạt trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn: 10/10 tỉ lệ 100%.

▪ Trên chuẩn: 09/10 Tỉ lệ 90%

▪ Đạt chuẩn: 01/10 Tỉ lệ 10%

Tổng số trẻ: 169 trẻ/ 83 nữ

+ Trẻ SDD thể nhẹ cân vừa : 1 nữ. Tỷ lệ: 0,59%

+ Trẻ SDD 2 thể (nhẹ cân (vừa) + thấp còi độ 1): 2 nữ. Tỷ lệ: 1,18%

+ Trẻ thấp còi độ 1: 1 nam. Tỷ lệ 0,59 %

+ Trẻ thừa cân: 17/7 nữ. Tỷ lệ: 10,06%

+ Trẻ béo phì: 8/2 nữ. Tỷ lệ: 4,73%

+ Trẻ có tình trạng dinh dưỡng bình thường: 138/169 trẻ. Tỷ lệ 81,7%

1. Thuận lợi:

- Được sự quan tâm, hỗ trợ và chỉ đạo sâu sát của BGH nhà trường, được sự phối hợp, giúp đỡ nhiệt tình của Ban đại diện cha mẹ trẻ trong việc đầu tư cơ sở vật chất, các trang thiết bị bên trong - bên ngoài nhà trường để phục vụ cho trẻ.

- Có 5/5 phòng học được trang bị máy vi tính, được trang bị tivi ngoài hành lang trình chiếu những hình ảnh hoạt động của lớp tuyên truyền đến ba mẹ trẻ, có đầy đủ đồ dùng đồ chơi theo quy định. Trong đó có 4/5 lớp được trang bị màn hình tương tác.

- Các lớp học được trang bị đầy đủ đồ dùng đồ chơi, sách, và kết nối phần mềm kidsmart. Sân trường rộng, trang bị đầy đủ đồ chơi ngoài trời đáp ứng nhu cầu vận động của trẻ.

- Các lớp được trang bị bộ đồ chơi vận động thông minh theo từng độ tuổi.

- Tập thể tổ đoàn kết, có ý thức tốt trong công tác chăm sóc - nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

- Giáo viên đạt chuẩn theo quy định, trong đó 09/10 cô trên chuẩn đạt tỷ lệ 90%, 1 giáo viên đạt chuẩn, tỷ lệ 10%. Giáo viên năng nổ nhiệt tình trong công tác.

- Cơ sở vật chất đa dạng, sân chơi rộng, được trang bị đầy đủ các trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi phục vụ công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ theo quy định.

- Môi trường giáo dục được xây dựng phong phú, đa dạng, là điều kiện thuận lợi để nhà trường tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

- Các cô luôn chịu khó và tích cực tham gia học hỏi, chia sẻ cùng nhau trong công việc, được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn thường xuyên, cũng như bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT của mình.

- Các cô trong tổ tích cực tham gia học tập, bồi dưỡng chuyên môn, luôn sáng tạo trong việc trang trí lớp theo các chuyên đề trọng tâm của trường như: Chuyên đề “Phát triển vận động”, chuyên đề “Giáo dục lấy trẻ làm trung tâm”, chuyên đề “Tôi yêu Việt Nam” và lồng ghép giáo dục trẻ ứng phó với biến đổi khí hậu mọi lúc mọi nơi.

2. Khó khăn:

- Mạng internet không kết nối được nên khó khăn trong việc tìm kiếm các bài giảng để dạy trẻ.

- Trong tổ cô lớn tuổi chưa thích ứng kịp với việc ứng dụng CNTT trong việc soạn giảng, cũng như việc UDCNTT trong tổ chức các hoạt động.

- Một số cha mẹ trẻ chưa nhiệt tình phối hợp với giáo viên trong việc chăm sóc và giáo dục trẻ đặc biệt là chăm sóc cho trẻ thừa cân, béo phì.

- Chưa khai thác hết hiệu quả của màn tương tác (chỉ sử dụng được các tính năng đơn giản) cũng như hiệu quả của phòng máy và bộ đồ chơi vận động thông minh.

B. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC

I. MỤC TIÊU GIÁO DỤC

1. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT:

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: Nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo bền bỉ
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

2. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC:

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

3. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ:

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

4. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI:

- Có ý thức về bản thân.
- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.
- Có một kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.

5. PHÁT TRIỂN THẨM MỸ:

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.
- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật, có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp...

II. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC CỤ THỂ

LĨNH VỰC	SỐ TT	MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC	NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM HỌC
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT <i>a) Phát triển vận động</i>	1.	- Biết bắt đầu và kết thúc động tác bài tập thể dục buổi sáng đúng nhịp.	- Thực hiện các động tác đúng, đầy đủ, nhịp nhàng.
	2.	- Phát triển sự phối hợp vận động của các bộ phận cơ thể, vận động nhịp nhàng với bạn, điều chỉnh hoạt động theo tín hiệu.	- Chạy chậm 80 m. - Chạy 15m trong khoảng 10 giây. - Đi ngang bước dồn theo trò chơi “Chọn quả”.
	3.	- Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn.	- Đi liên tục trên ghế thể dục. - Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bằng gót chân.
	4.	- Giữ thẳng bằng cơ thể khi thực hiện các vận động.	- Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m. - Đi khuyu gối. - Đi trên ghế băng đầu đội túi cát.
	5.	Kiểm soát được vận động: - Đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 - 5 vật chuẩn đặt đích dắc).	- Chạy đích dắc qua 3-4 chướng ngại vật. - Chạy theo đường thẳng.
	6.	- Bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	- Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m. - Bò đích dắc qua 5 điểm. - Bò chui qua cổng - Bò bằng bàn tay và cẳng chân theo

			trò chơi “Gấu và người thợ săn” - Bò chui qua ống dài 1,2m x 0,6m.
	7.	- Trẻ phát triển vận động trườn về phía trước.	- Trườn theo hướng thẳng
	8.	- Luyện tập cho trẻ tính mạnh dạn, khéo léo khi trèo lên xuống thang.	- Trèo lên, xuống 5 giống thang. - Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.
	9.	Phối hợp tay- mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). - Tự đập bắt bóng được 4 - 5 lần liên tiếp.	- Tung bắt bóng với người đối diện - Tung bóng lên cao và bắt - Chuyển bóng qua đầu, qua chân - Tự đập và bắt bóng 4-5 lần liên tiếp. - Đập và bắt bóng tại chỗ
	10.	- Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m).	- Ném xa bằng một tay (thi xem ai ném xa nhất). - Ném xa bằng 2 tay - Chạy ném trúng đích nằm ngang (xa 2 m) - Ném trúng đích thẳng đứng.
	11.	- Biết phối hợp vận động các giác quan. Bật liên tục qua 5 ô vuông.	- Bật liên tục qua 5 ô vuông. - Bật liên tục về phía trước - Bật qua vật cản 10-15cm. - Bật tách chân- khép chân qua 5 ô.
	12.	- Phát triển sự phối hợp vận động của các bộ phận của cơ thể.	- Bật sâu 15 cm. - Bật qua dây - Nhảy lò cò 3m.
	13.	-Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp	- Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây. - Chạy – ném xa bằng 1 tay.
	14.	- Thực hiện được các vận động: + Cuộn - xoay tròn cổ tay. + Gập, mở, các ngón tay.	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi... - Gập giấy. - Lắp ghép hình.
	15.	-Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động	- Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.
	16.	-Phối hợp tay -mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ.	- Xé, cắt đường thẳng. - Tô, vẽ hình. - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	17.	- Nhận biết 1 số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng).
	18.	- Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu	- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.

	cháo...	
19.	-Biết một số thực phẩm cùng nhóm: + Thịt, cá ,... có nhiều chất đạm. + Rau, quả chín có nhiều vitamin.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.
20.	- Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (tiêu chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) - Một số biểu hiện khi ốm: Nóng, đau đầu, đau bụng, ói... và cách phòng tránh đơn giản
21.	- Biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.	- Một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ: Bạn té, đánh bạn, chảy máu, cháy,....
22.	- Tập tự phục vụ trong sinh hoạt hàng ngày tại trường: cháu biết rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh + Trẻ biết tập và rèn kỹ năng rửa tay, lau mặt bằng khăn ướt	- Trẻ có kỹ năng rửa tay, lau mặt bằng khăn ướt, tự làm một số công việc tại trường. +Tập thói quen rửa tay bằng xà phòng. +Tập luyện thao tác rửa tay đúng cách theo 6 bước. + Rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn.
23.	- Trẻ có thói quen tốt trong việc giữ gìn vệ sinh cá nhân vệ sinh môi trường môi trường sạch sẽ.	- Trẻ rèn luyện thói quen tốt về vệ sinh cá nhân, đi vệ sinh đúng nơi quy định.... biết giữ gìn vệ sinh môi trường. - Làm một số việc tự phục vụ bản thân trong sinh hoạt hàng ngày như: tự mặc, cởi quần áo
24.	- Biết mặc trang phục phù hợp thời tiết.	- Trẻ biết mặc quần áo ấm khi trời lạnh, biết mặc quần áo mát khi trời nóng nực, trời mưa biết mặc áo mưa, đội nón, che dù khi trời nắng.
25.	- Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm.	- Trẻ nhận ra những nơi nguy hiểm như: hồ, ao, suối, bể chứa nước,....
26.	- Trẻ có kỹ năng ăn uống các loại trái cây	- Trẻ biết rửa sạch, bỏ hạt khi ăn một số loại quả như: dưa hấu, măng cầu, nhãn, chôm chôm, cam, quýt v.v.....như bỏ hạt, rửa sạch, không dùng dao để xắt trái cây mà phải nhờ người lớn giúp.
27.	- Trẻ biết giữ gìn vệ sinh thực phẩm khi ăn, không ăn thực phẩm ôi thiu, nấm mốc.v.v...	- Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn.
28.	Thực hiện được một số việc tự phục	Tự cảm bát, thìa xúc ăn gọn gàng,

PHÁT TRIỂN NHÂN THỨC a.Khám phá khoa học		vụ trong sinh hoạt.	không rơi vãi, đồ thức ăn.
	29.	- Quan tâm đến những thay đổi của sự vật hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về sự thay đổi của sự vật, hiện tượng: "vì sao cây lại héo?", "vì sao lá cây bị ướn?"	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người.
	30.	- Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm...để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi
	31.	- Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/ muối vào nước, dự đoán, qua sát, so sánh.	- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây - Một số đặc điểm, tính chất của nước.
	32.	- Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát	- So sánh sự giống-khác nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - So sánh sự giống-khác nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi.
	33.	- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. - Nhận biết sự khác nhau giữa ngày và đêm.
	34.	- Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu.
	35.	- Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: "Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn"	- Biết tên gọi các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây.
	36.	- Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm - ích lợi...của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương
	37.	- Nói tên, địa chỉ của trường, lớp và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ, tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường - Tên, địa chỉ của trường, lớp.
b.Khám phá xã hội	38.	- Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.
	39.	- Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.
	40.	- Trẻ nói được địa chỉ, số điện thoại	- Một số nhu cầu của gia đình, địa

c. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán		của gia đình mình.	chỉ của gia đình. (số nhà, đường phố, thôn, xóm) khi được hỏi và trò chuyện.
	41.	- Nói họ, tên và công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình.
	42.	- Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội	- Ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.
	43.	- Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh.
	44.	- Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật xung quanh, hỏi: "bao nhiêu?", "là số mấy?"...	Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe...)
	45.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.
	46.	- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh số lượng trong phạm vi 1, 2, 3, 4, 5
	47.	- Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	- Trẻ biết gộp 2 nhóm đối tượng thành 1 nhóm trong phạm vi 5.
	48.	- Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm nhỏ hơn.	- Tách 1 nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ và so sánh kết quả. Nói được từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.
	49.	- Sử dụng các số từ 1 - 5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Số lượng và số thứ tự
	50.	- Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Nhận ra quy tắc sắp xếp theo mẫu và sao chép lại. - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi
	51.	- So sánh 2 đối tượng.	- So sánh 2 đối tượng về kích thước.
	52.	- Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo - Đo dung tích bằng một đơn vị đo.
	53.	- Nhận biết hình dạng (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...)	- So sánh sự khác - giống nhau của các hình: hình tam giác, hình tròn, hình vuông, hình chữ nhật.
	54.	- Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
	55.	- Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trên- phía dưới, phía trước- phía sau,

			phía phải- phía trái). - Xác định được tay trái – tay phải của bản thân
	56.	- Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Nhận biết các buổi: Sáng, trưa, chiều, tối.
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	57.	- Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.	- Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu.
	58.	- Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.
	59.	- Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.
	60.	- Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.
	61.	- Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Trả lời và đặt các câu hỏi: " Ai ?", "cái gì ?", "ở đâu?", "khi nào ?", "để làm gì?"
	62.	- Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, phủ định	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.
	63.	- Kể lại sự việc theo trình tự	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.
	64.	- Đọc thuộc bài thơ, đồng dao, ca dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè phù hợp độ tuổi
	65.	- Kể chuyện có mở đầu, kết thúc	- Kể lại truyện đã được nghe
	66.	- Trẻ biết kể lại sự việc có nhiều tình tiết	- Thực hành kể lại 1 sự việc nào đó qua gợi ý của cô giáo, người lớn với nhiều tình tiết
	67.	- Trẻ mạnh dạn sử dụng một số từ mới và hiểu ý nghĩa của các từ đó. Phát âm đúng, không nói ngọng, mạnh dạn giao tiếp bằng lời với những người xung quanh.	- Quan sát, trò chuyện, nhận xét về sự vật hiện tượng bằng chính ngôn ngữ của trẻ 1 cách chính xác. - Phát âm các tiếng có chứa âm khó trong câu chuyện - Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.
	68.	- Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong chuyện.	- Đóng kịch.
	69.	- Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép
	70.	- Trẻ biết thể các từ thể hiện sự lịch sự, lễ phép trong giao tiếp với cô và các bạn.	- Trò chuyện, trao đổi lễ phép với cô giáo, các bạn và người lớn xung quanh - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép, lịch sự. (Mời cô, mời bạn cảm ơn, xin lỗi)
	71.	- Chọn sách để xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Giữ gìn, bảo quản sách
	72.	- Mô tả hành động của các nhân vật	- "Đọc" truyện qua các tranh vẽ

		trong tranh.	
	73.	- Cầm sách đúng chiều và lật từng trang để xem tranh ảnh. "Đọc" sách theo tranh minh họa ("đọc vệt").	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.
	74.	- Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nguy hiểm...	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...).
	75.	- Sử dụng kí hiệu để "viết": tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	- Nhận dạng một số chữ cái. - Tập tô, đồ các nét chữ. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	76.	- Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	- Nói được tên, tuổi, giới tính.
	77.	- Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Nói được sở thích, khả năng của bản thân.
	78.	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động và tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích	- Mạnh dạn, tự tin tham gia chơi cùng bạn.
	79.	- Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	- Thu dọn sau khi chơi xong, trực nhật (lau bàn ghế, đồ chơi phụ giúp cô)
	80.	- Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh, câu chuyện	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.
	81.	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ,
	82.	- Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát.	- Thuộc bài hát về Bác Hồ, hát đúng lời, đúng nhịp các bài hát về Bác Hồ.
	83.	- Thích đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ	-Thuộc bài thơ, câu chuyện về Bác Hồ
	84.	- Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
	85.	- Thực hiện được một số quy định ở lớp: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn.	- Một số quy định ở lớp và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường)
	86.	-Biết vâng lời ông bà, bố mẹ.	- Phân biệt hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.

	87.	- Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.
	88.	- Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Lắng nghe cô và bạn nói.
	89.	- Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở	- Chờ đến lượt, hợp tác.
	90.	- Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...).	- Quan tâm, giúp đỡ bạn, hợp tác với nhau để hoàn thành nhiệm vụ được giao.
	91.	- Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.
	92.	- Bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường
	93.	- Không bẻ cành, bứt hoa	- Chăm sóc cây, yêu quý thiên nhiên, cây cảnh.
	94.	- Không để tràn nước khi rửa tay	- Biết vặn vòi nước vừa đủ khi sử dụng, không vun, vẩy nước ra sàn nhà. Biết tắt vòi nước khi không sử dụng.
	95.	- Tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	-Biết nhắc nhở bạn, người thân tắt các thiết bị điện khi không sử dụng.
PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	96.	- Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
	97.	- Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc;	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (thích vỗ tay, hát múa theo nhịp điệu của của bài hát).
	98.	- Thích nghe và hát những bài hát theo chủ đề.	- Nghe và nhận ra giai điệu quen thuộc một số bài hát theo chủ đề.
	99.	- Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
	100.	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.
	101.	- Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu, tiết tấu của các bài hát, bản nhạc.
	102.	- Thích nghe các loại nhạc khác nhau.	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca)
	103.	- Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với hình thức múa.	- Trẽ vận động múa nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.
	104.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo

	hình để tạo ra sản phẩm.	hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.
105.	- Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục	- Sử dụng kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét.
106.	- Xé theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	- Sử dụng kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng.
107.	-Cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	- Sử dụng kỹ năng cắt dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng.
108.	- Làm lồm, đồ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết	- Sử dụng kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, hình dáng khác nhau.
109.	- Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	- Sử dụng kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đẹp.
110.	- Thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp thiên nhiên	-Trẻ ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống, đồ dùng đồ chơi.
111.	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét.
112.	- Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật.	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.
113.	- Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp	- Vẽ đẹp trong vận động, trong tạo hình, âm nhạc....
114.	- Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Lựa chọn hình thức vận động để thể hiện bài hát cho sinh động
115.	- Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.
116.	- Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.
117.	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Chỉ ra cái đẹp trong sản phẩm tạo hình của mình, của bạn.
118.	- Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.

C. CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ: ĐỦ 35 TUẦN

STT	CHỦ ĐỀ	TUẦN	CHỦ ĐỀ NHÁNH	TỪ NGÀY → NGÀY
HỌC KÌ 1: 18 TUẦN				
	Trường Mầm non Hoa Mai thân yêu của bé	1	1. Trường mầm non Hoa Mai của bé	09/9/2024-13/9/2024
		2	2. Bé vui hội trăng rằm. (thứ ba ngày 17/9 lòng ghép tết trung thu)	16/9/2024-20/9/2024

	(2 tuần)			
2	Bản thân của bé (3 Tuần)	3	1. Cơ thể đáng yêu của bé	23/9/2024-27/9/2024
		4	2. Các giác quan của bé.	30/9/2024-04/10/2024
		5	3. Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	07/10/2024-11/10/2024
3	Gia đình bé yêu (5 Tuần)	6	1. Ngôi nhà của bé (thứ 6 ngày 18/10 lồng ghép ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10)	14/10/2024-18/10/2024
		7	2. Những người thân yêu trong gia đình bé	21/10/2024-25/10/2024
		8	3. Dinh dưỡng cho gia đình bé	28/10/2024-01/11/2024
		9	4. Thời trang của gia đình bé	04/11/2024-08/11/2024
		10	5. Đồ dùng thân quen trong gia đình bé	11/11/2024-15/11/2024
4	An toàn giao thông (3 tuần)	11	Các loại phương tiện giao thông (Thứ 4, sinh hoạt Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11)	18/11/2024-22/11/2024
		12	2. Một số biển báo giao thông quen thuộc	25/11/2024-29/11/2024
		13	3. Bé học luật giao thông	02/12/2024-06/12/2024
5	Những ngành nghề quanh bé (5 tuần)	14	1. Bé yêu Bác nông dân.	09/12/2024-13/12/2024
		15	2. Chú bộ đội, chú công an (Thứ 6 ngày 20/12 lồng ghép ngày thành lập quân đội nhân dân VN 22/12)	16/12/2024-20/12/2024
		16	3. Nghề xây dựng (Thứ 3 ngày 24/12 lồng ghép Lễ Giáng sinh)	23/12/2024-27/12/2024
		17	4. Bác sĩ, y tá, giáo viên (Thứ tư ngày 1/1 nghỉ tết dương lịch)	30/12/2024 – 03/01/2025
		18	5. Nghề truyền thống quê em	06/01/2025-10/01/2025
HỌC KÌ II: 17 TUẦN				
6	Tết và Mùa xuân (2 tuần)	19	1. Thời tiết mùa xuân	13/01/2025-17/01/2025
		20	2. Ngày tết cổ truyền quê em	20/01/2025-24/01/2025
NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN (2 TUẦN)				25/01/2025-02/02/2025

7	Nước - Các hiện tượng thiên nhiên (3 tuần)	21	1.Bé thích mùa nào nhất ?	03/02/2025-07/02/2025
		22	2. Nước và những điều kỳ thú	10/02/2025-14/02/2025
		23	3. Các hiện tượng thiên nhiên quanh bé	17/02/2025-21/02/2025
8	Thế giới thực vật (4 tuần)	24	1. Cây xanh quanh bé (Thứ 6, lồng ghép ngày Quốc tế phụ nữ 8/3)	24/02/2025-28/02/2025
		25	2. Vườn cây ăn quả	03/03/2025-07/03/2025
		26	3. Sắc hoa bé yêu	10/03/2025-14/03/2025
		27	4. Vườn rau của bé	17/03/2025-21/03/2025
9	Thế giới động vật (4 tuần)	28	1. Động vật nuôi trong gia đình	24/03/2025-28/03/2025
		29	2. Một số con vật sống trong rừng	31/03/2025-04/04/2025
		30	3. Động vật sống dưới nước (thứ 2 ngày 7/4 nghỉ lễ giỗ tổ Hùng Vương mừng 10/3)	07/04/2025-11/04/2025
		31	4. Chim – Côn trùng	14/04/2025-18/04/2025
10	Quê hương khu phố thân yêu của bé (2 tuần)	32	1.Thủ Dầu Một thân yêu của bé	21/04/2025-25/04/2025
			Trãi nghiệm , nghỉ lễ (Thứ 4, nghỉ lễ 30/4 và thứ 5 QTLĐ ngày 01/5)	28/04/2025-02/05/2025
		33	2.Khu phố của bé	05/05/2025-09/05/2025
11	Thủ đô Hà Nội Và Bác Hồ kính yêu (2 tuần)	34	1. Thủ đô Hà Nội	12/5/2025-16/5/2025
		35	2.Bác Hồ kính yêu	19/5/2025-23/5/2025
Tổng kết				26/5/2025-30/5/2025

D. LỊCH SINH HOẠT TỔ CHƠI:

THỜI GIAN		THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU
6h30 – 7h00	30'	Đón trẻ				
7h00 – 7h10	10'	Thẻ đục sáng, điểm danh				

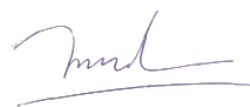
7h15 – 8h	45'	Ăn sáng				
8h - 8h40	40'	Hoạt động ngoài trời				
8h40 – 8h50	10'	Vệ sinh - uống sữa				
9h00 - 9h30	25'	Hoạt động Khám phá	Làm quen với toán	Làm quen văn học Thể dục giờ học	Giáo dục âm nhạc	Tạo hình
9h30 -10h20	50'	Hoạt động vui chơi				
10g20 - 11h20	60'	Vệ sinh - Ăn trưa				
11h20 - 13h50	160'	Ngủ trưa				
13h50 - 14h20	30'	Vệ sinh - Ăn nhẹ				
14h20 -15h20	60'	- Hướng dẫn trò chơi mới - HĐNK	- Ôn thơ, bài hát theo chủ đề - HĐNK	Tạo hình ngoài tiết học	- Ôn thao tác vệ sinh - HĐNK	- Sinh hoạt tập thể - HĐNK
15h20 - 16h	40'	Vệ sinh - Ăn xế				
16h - 16h30	30'	Nêu gương				
16h30 - 17h	30'	Trả trẻ				

Trên đây là kế hoạch hoạt động giáo dục năm học 2024 – 2025 của Tổ Chòi trường mầm non Hoa Mai.

Ngày 08 tháng 09 năm 2024
PHÓ HIỆU TRƯỞNG KÝ DUYỆT

Nguyễn Thị Mỹ Diễm

Ngày 06 tháng 09 năm 2024
TTCM



Nguyễn Thị Kim Cúc